

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 19- 02- 2021

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/ QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Vũ Hào H, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 19/2 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 19/2 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Vũ Hào H trình bày: Anh và chị T qua quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức hôn lễ theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh, chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2017 đến nay. Nay Anh không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 29/3/1997 và Nguyễn Vũ Hoàng Q, sinh ngày 02/5/2000 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng chị T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Vũ Hào H có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.
- Bị đơn chị Nguyễn Kim T vắng mặt lần thứ 2 (hai) không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ Hào H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Kim T vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh, Chị đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh H thể hiện Anh và chị T đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”*. Anh và chị T không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẻ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Tuy giữa Anh và chị T không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình và cũng không có chứng cứ để chứng minh Anh hay chị T có những lời lẽ vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của bên còn lại nhưng tình trạng hôn nhân của Anh, Chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng vì Anh, Chị không còn sống chung với nhau đã gần bốn năm nay làm cho mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Q, sinh ngày 02/5/2000, Nguyễn Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 29/3/1997 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

[5] Về nợ chung: đương sự cam kết không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Vũ Hào H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Vũ Hào H và chị Nguyễn Kim T
2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng Q, sinh ngày 02/5/2000, Nguyễn Vũ Thị Thùy D, sinh ngày 29/3/1997 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết
3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Buộc Anh Nguyễn Vũ Hào H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006225 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện